

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố chuẩn hóa Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực
trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Sở Nông nghiệp và Môi trường**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1000/QĐ-BNNMT ngày 22/4/2025 Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã ban hành về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 111/TTr-SNNMT ngày 29 tháng 4 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính (TTHC) được chuẩn hóa lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 2.

1. Giao Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với Viễn thông Đắk Nông công khai, đồng bộ Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC về Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh; đồng thời, niêm yết, công khai nội dung TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công theo quy định.



2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường căn cứ thủ tục thuộc thẩm quyền giải quyết chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan theo dõi, cập nhật thành phần hồ sơ, trình tự, quy trình thực hiện đối với thủ tục hành chính kèm theo Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh.

3. Giao UBND các cấp niêm yết, công khai nội dung TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế TTHC tương ứng tại các Quyết định:

- Quyết định số 219/QĐ-UBND ngày 06/02/2018 của UBND tỉnh công bố Danh mục TTHC thuộc phạm vi của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Quyết định số 346/QĐ-UBND ngày 12/3/2020 của UBND tỉnh công bố Danh mục TTHC, Quy trình nội bộ điện tử lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và UBND cấp xã;

- Quyết định số 1498/QĐ-UBND ngày 08/9/2021 của UBND tỉnh công bố Danh mục TTHC sửa đổi, bổ sung mức phí các lĩnh vực: Kiểm dịch thực vật, trồng trọt; TTHC bãi bỏ lĩnh vực BVTV thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Quyết định số 316/QĐ-UBND ngày 15/3/2023 của UBND tỉnh công bố Danh mục TTHC mới ban hành; sửa đổi, bổ sung; bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường;

- Quyết định số 2007/QĐ-UBND ngày 25/11/2022 của UBND tỉnh công bố Danh mục TTHC lĩnh vực bảo vệ thực vật được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

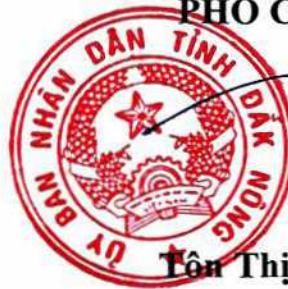
- Quyết định số 1738/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của UBND tỉnh công bố Danh mục và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết TTHC mới ban hành, TTHC thay thế lĩnh vực trồng trọt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các cấp và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm soát TTHC, VPCP;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Viện Thông Đắc Nông;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TTPVHCC, TH(Tn)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**





Tôn Thị Ngọc Hạnh

PHỤ LỤC I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
(Kèm theo Quyết định số 734/QĐ-UBND, ngày 28/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

Stt	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế
I	TTHC cấp tỉnh		
1	1.008003	Cấp Quyết định, phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô tính	Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;
2	1.012075	Quyết định cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng giống cây trồng được bảo hộ là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.	
3	1.012074	Giao quyền đăng ký đối với giống cây trồng là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.	
4	1.012004	Cấp lại giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng	
5	1.012003	Cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng	
6	1.012002	Cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng	
7	1.012001	Cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng	
8	1.012000	Thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	



Stt	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế
9	1.011999	Thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	
10	1.012848	Nộp tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa đối với đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn 2 huyện trở lên	
11	1.012847	Thẩm định phương án sử dụng tăng đất mặt đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn 2 huyện trở lên	
12	1.004493	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật	
13	1.007933	Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón	
14	1.004363	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	
15	1.004346	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	
16	1.007931	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	
17	1.007932	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	
18	1.003984	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật	
II	Cấp huyện		
1	1.012849	Thẩm định phương án sử dụng tăng đất mặt đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn huyện	Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định



Stt	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế
2	1.012850	Nộp tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn huyện	về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;
III	Cấp xã		
1	1.008004	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa	Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

PHỤ LỤC II
QUY ĐỊNH NỘI DUNG CỤ THỂ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
*(Kèm theo Quyết định số **734** /QĐ-UBND, ngày **28** /5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)*

TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Đối tượng thực hiện; Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết; Kết quả giải quyết; Yêu cầu, điều kiện thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I	TTHC cấp tỉnh				
1	Cấp Quyết định, phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô tính Mã TTHC: 1.008003	a) Thành phần hồ sơ: + Hồ sơ Cấp Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng: - Văn bản đề nghị cấp Quyết định công nhận cây đầu dòng, Quyết định công nhận vườn cây đầu dòng theo Mẫu số 01.CDD Phụ lục VI Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 - Báo cáo kết quả bình tuyển cây đầu dòng theo Mẫu số 02.CDD Phụ lục VI Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019; báo cáo kết quả thiết lập vườn cây đầu dòng theo Mẫu số 03.CDD Phụ lục VI Nghị định số	a) Đối tượng thực hiện: Tổ chức, cá nhân b) Trình tự thực hiện: Bước 1: Nộp, tiếp nhận hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Nông hoặc nộp qua Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh. Trục tuyến tại trang web Dịch vụ công tỉnh Đắk Nông (theo đường link https://dichvucong.daknong.gov.vn) Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc, Trung tâm phục vụ hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Nông nghiệp và Môi trường (<i>thông qua Chi cục Chi cục Phát triển nông nghiệp</i>). Bước 2: Trả lời tính đầy đủ của thành phần hồ sơ Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung chủ yếu trong hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ hợp lệ, thực hiện Bước 3. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo hoặc hướng dẫn bằng văn bản gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Nông; Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc (<i>không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính</i>) TTPVHCC thông báo cho tổ chức, cá nhân điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Bước 3: Thẩm định hồ sơ * Cấp Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng:	- Cây đầu dòng: 600.000 đồng/ cây (<i>Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND</i>) - Vườn cây đầu dòng: Không quy định	- Khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 24 Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 ngày 19/11/2018. - Khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 9 Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác.



TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Đối tượng thực hiện; Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết; Kết quả giải quyết; Yêu cầu, điều kiện thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		94/2019/NĐ- CP ngày 13/12/2019. +) Hồ sơ phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng: - Văn bản đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, Quyết định công nhận vườn cây đầu dòng. b. Số lượng: 01 bộ	- Trường hợp Cấp Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng: Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường ban hành Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày thành lập, Hội đồng có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng tại địa điểm có cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng. Trường hợp cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng đáp ứng đủ điều kiện, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thẩm định, Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp Quyết định công nhận cây đầu dòng theo Mẫu số 04.CDD, Mẫu số 05.CDD Phụ lục VI Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019. - Trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. * Phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng: - Trường hợp phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thẩm định. Trường hợp cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia hoặc tiêu chuẩn cơ sở, Sở Nông nghiệp và Môi trường ban hành Quyết định phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, Quyết định công nhận vườn cây đầu dòng. - Trường hợp không phục hồi Quyết định phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Bước 4. Trả kết quả: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả theo giấy hẹn tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Nông. c) Thời hạn giải quyết: - Cấp Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng: Thời hạn 28 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trong đó: + Trung tâm phục vụ hành chính công: 0,5 ngày làm việc		

TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Đối tượng thực hiện; Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết; Kết quả giải quyết; Yêu cầu, điều kiện thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			+ Chi cục Phát triển nông nghiệp: 22,5 ngày làm việc. + Sở Nông nghiệp và Môi trường: 05 ngày làm việc - Phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng: Thời hạn 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản báo cáo cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia hoặc tiêu chuẩn cơ sở. Trong đó: + Trung tâm phục vụ hành chính công: 0,5 ngày làm việc + Chi cục Phát triển nông nghiệp: 6 ngày làm việc. + Sở Nông nghiệp và Môi trường: 1,5 ngày làm việc d) Yêu cầu, điều kiện thực hiện: Không		
2	Quyết định cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng giống cây trồng được bảo hộ là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước Mã TTHC 1.012075	a) Thành phần hồ sơ: - Đơn đề nghị sử dụng giống cây trồng theo quy định tại Mẫu số 16 ban hành kèm theo Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15/11/2023 của Chính phủ; - Tài liệu chứng minh đề nghị, khai thác và sử dụng giống cây trồng là có căn cứ xác đáng b) Số lượng: 01 bộ.	a) Đối tượng thực hiện: Tổ chức, cá nhân b) Trình tự thực hiện: Bước 1: Nộp, tiếp nhận hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc nộp qua Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh. Trục tuyến tại trang web Dịch vụ công tỉnh Đắk Nông (theo đường link https://dichvucong.daknong.gov.vn) Bước 2: Trả lời tính đầy đủ của thành phần hồ sơ - Trường hợp nộp trực tiếp: Cơ quan tham mưu kiểm tra và trả lời ngay tính đầy đủ của thành phần hồ sơ; - Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tham mưu xem xét tính đầy đủ của thành phần hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân; - Trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường điện tử: Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ, cơ quan tham mưu xem xét tính đầy đủ của thành phần hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân.	Không quy định	Khoản 2, Khoản 3, Điều 18 Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15/11/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền đối với giống cây trồng.



TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Đối tượng thực hiện; Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết; Kết quả giải quyết; Yêu cầu, điều kiện thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			Bước 3. Thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ cơ quan tham mưu thẩm định hồ sơ. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, cơ quan tham mưu ban hành Quyết định cho phép khai thác, sử dụng giống cây trồng đồng thời thông báo cho chủ sở hữu Bằng bảo hộ giống cây trồng và tổ chức, cá nhân đề nghị được khai thác, sử dụng giống cây trồng để thực hiện. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan có tham mưu trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Bước 4. Trả kết quả: - Tổ chức, cá nhân nhận kết quả theo giấy hẹn tại Trung tâm phục vụ hành chính công. c) Thời hạn giải quyết: Thẩm định hồ sơ và ban hành Quyết định cho phép khai thác, sử dụng giống cây trồng: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ. d) Yêu cầu, điều kiện thực hiện: Không		
3	Giao quyền đăng ký đối với giống cây trồng là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước Mã TTHC: 1.012074	a) Thành phần hồ sơ gồm: Đơn đề nghị giao quyền đăng ký theo quy định tại Mẫu số 15 ban hành kèm theo Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15/11/2023 của Chính phủ. b) Số lượng: 01 bộ hồ sơ	a) Đối tượng thực hiện: Tổ chức, cá nhân b) Trình tự thực hiện: Bước 1: - Kết thúc thời hạn 12 tháng kể từ thời điểm nhiệm vụ khoa học và công nghệ được nghiệm thu mà tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ không nộp đơn đăng ký quyền đối với giống cây trồng hoặc có văn bản báo cáo đại diện chủ sở hữu nhà nước giao quyền đăng ký đối với giống cây trồng; Đại diện chủ sở hữu nhà nước thông báo trên Cổng thông tin điện tử hoặc Trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong thời hạn 90 ngày về việc nộp hồ sơ đề nghị giao quyền đăng ký đối với giống cây trồng. Bước 2: Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày Đại diện chủ sở hữu nhà nước thông báo trên Cổng thông tin điện tử hoặc Trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ; tổ chức, cá nhân nộp Đơn đề	Không quy định	Điều 24 Nghị định số 79/2023/NĐ-CP ngày 15/11/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền đối với giống cây trồng.

TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Đối tượng thực hiện; Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết; Kết quả giải quyết; Yêu cầu, điều kiện thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			ngiht giao quyền đăng ký trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử đến đơn vị tiếp nhận đăng ký giao quyền - Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc nộp qua Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh. Địa chỉ: Số 98, đường 23/3, phường Nghĩa Đức, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông. Trưc tuyến tại trang web Dịch vụ công tỉnh Đắk Nông (theo đường link https://dichvucong.daknong.gov.vn) Bước 3: Trả lời tính đầy đủ của thành phần hồ sơ -Trường hợp nộp trực tiếp: Đại diện chủ sở hữu nhà nước kiểm tra và trả lời ngay tính đầy đủ của thành phần hồ sơ; -Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Đại diện chủ sở hữu nhà nước xem xét tính đầy đủ của thành phần hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân; -Trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường điện tử: Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ, Đại diện chủ sở hữu nhà nước xem xét tính đầy đủ của thành phần hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân. Bước 4. Thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn 12 ngày, kể từ ngày kết thúc nhận hồ sơ, đại diện chủ sở hữu nhà nước đăng tải trên Cổng thông tin điện tử hoặc Trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ danh sách tổ chức, cá nhân nộp đơn hợp lệ và dự định giao cho các tổ chức, cá nhân đó cùng thực hiện quyền đăng ký, cùng đứng tên là người đăng ký đối với Đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng được giao quyền, ấn định thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày đăng tải để các tổ chức, cá nhân có ý kiến về nội dung trên. -Nếu kết thúc thời hạn nêu trên mà tổ chức, cá nhân nộp đơn đề nghị giao quyền có văn bản phản hồi đồng ý cùng đứng tên người đăng ký hoặc không có văn bản phản hồi thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nêu trên, đại diện chủ sở hữu nhà nước ban hành quyết định giao		



TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Đối tượng thực hiện; Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết; Kết quả giải quyết; Yêu cầu, điều kiện thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			quyền đăng ký bảo hộ giống cây trồng cho tổ chức, cá nhân này. Bước 5. Trả kết quả: - Tổ chức, cá nhân nhận kết quả theo giấy hẹn tại Trung tâm phục vụ hành chính công. c) Thời hạn giải quyết: Ban hành Quyết định giao quyền đăng ký bảo hộ giống cây trồng: 24 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ d) Yêu cầu, điều kiện thực hiện: Không		
4	Cấp lại giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng Mã TTHC: 1.012004	a) Thành phần hồ sơ: - Tờ khai yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng, làm theo Mẫu số 11 tại Phụ lục VI của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ; - Bản sao chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đã được sửa đổi của tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng trong trường hợp có sự thay đổi thông tin của tổ chức, trừ trường hợp trong Tờ khai yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận	a) Đối tượng thực hiện: Tổ chức. b) Trình tự thực hiện Bước 1: Nộp và tiếp nhận hồ sơ Tổ chức nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công (TTPVHCC) theo đường bưu điện, trực tuyến hoặc trực tiếp. Địa chỉ: Số 98, đường 23/3, phường Nghĩa Đức, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông. Trực tuyến tại trang web Dịch vụ công tỉnh Đắk Nông (theo đường link https://dichvucong.daknong.gov.vn) Trả lời tính đầy đủ của thành phần hồ sơ: - Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: TTPVHCC kiểm tra thành phần hồ sơ và trả lời ngay khi tổ chức, cá nhân đến nộp hồ sơ. - Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua dịch vụ công trực tuyến (nếu có). Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, TTPVHCC xem xét tính đầy đủ hợp lệ của hồ sơ: + Nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, TTPVHCC thông báo cho tổ chức, cá nhân biết để bổ sung. + Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định, TTPVHCC chuyển hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Môi trường để giải quyết.. Bước 2: Thẩm định hồ sơ: *Trong thời hạn 9,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ từ TTPVHCC, xử lý hồ sơ như sau:	Không quy định	- Khoản 2, Khoản 3 Điều 113, Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.

TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Đối tượng thực hiện; Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết; Kết quả giải quyết; Yêu cầu, điều kiện thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng đã có thông tin về Mã số doanh nghiệp; - Bản sao chứng thực Quyết định tuyển dụng, hợp đồng lao động hoặc quyết định chấm dứt hợp đồng lao động giữa tổ chức và giám định viên quyền đối với giống cây trồng hoạt động cho tổ chức trong trường hợp có sự thay đổi về giám định viên quyền đối với giống cây trồng; - Chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục này). b) Số lượng: 01 bộ hồ sơ	- Trường hợp hồ sơ đáp ứng đủ điều kiện theo quy định: Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu dự thảo trình Ủy ban nhân dân tỉnh ra Quyết định cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động giám định đối với giống cây trồng. - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện theo quy định: Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo bằng văn bản dự định từ chối chấp nhận hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối hồ sơ là 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản thông báo. Khi hết hạn 30 ngày: + Tổ chức yêu cầu cấp không sửa chữa thiếu sót hoặc không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến nhưng không xác đáng thì Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu UBND tỉnh Quyết định từ chối, nêu rõ lý do từ chối. + Tổ chức bổ sung hồ sơ đúng quy định: Tiếp tục tham mưu giải quyết, tham mưu UBND tỉnh Quyết định cấp lại giấy. * Trường hợp Giấy chứng nhận bị lỗi do cơ quan tham mưu gây ra: Trong thời hạn 2,5 ngày Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp lại Giấy chứng nhận giám định quyền đối với giống cây trồng. Bước 3: Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh xem xét Quyết định cấp lại Giấy chứng nhận kèm theo Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng và được công bố trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh. Trường hợp từ chối ra Quyết định từ chối, nêu rõ lý do từ chối. - Trường hợp Giấy chứng nhận bị lỗi do cơ quan tham mưu gây ra: Trong thời hạn 3 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh xem xét cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng. Bước 4: Trả kết quả: Tổ chức nhận kết quả theo giấy hẹn tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Đắk Nông. c) Thời hạn giải quyết:		

TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Đối tượng thực hiện; Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết; Kết quả giải quyết; Yêu cầu, điều kiện thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (không tính thời gian 30 ngày tổ chức sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối hồ sơ). Trong đó: - Trung tâm phục vụ hành chính công: 0,5 ngày làm việc; - Sở Nông nghiệp và Môi trường: 9,5 ngày làm việc. - UBND tỉnh: 5 ngày làm việc - Trường hợp giấy chứng nhận tổ chức giám định đối với giống cây trồng bị lỗi do cơ quan tham mưu gây ra: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng. Trong đó: - Trung tâm phục vụ hành chính công: 0,5 ngày làm việc; - Sở Nông nghiệp và Môi trường: 3 ngày làm việc. - UBND tỉnh: 1,5 ngày làm việc d) Yêu cầu, điều kiện thực hiện: Không		
5	Cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng Mã TTHC: 1.012003	a) Thành phần hồ sơ: - Tờ khai yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng, làm theo Mẫu số 11 tại Phụ lục VI của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ; - Bản sao chứng thực Quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động giữa tổ chức và giám định viên sở hữu công	a) Đối tượng thực hiện: Tổ chức b) Trình tự thực hiện Bước 1: Nộp và tiếp nhận hồ sơ Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công (TTPVHCC) theo đường bưu điện, trực tuyến hoặc trực tiếp. Địa chỉ: Số 98, đường 23/3, phường Nghĩa Đức, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông. Trực tuyến tại trang web Dịch vụ công tỉnh Đắk Nông (theo đường link https://dichvucong.daknong.gov.vn) Trả lời tính đầy đủ của thành phần hồ sơ: - Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: TTPVHCC kiểm tra thành phần hồ sơ và trả lời ngay khi tổ chức, cá nhân đến nộp hồ sơ. - Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua dịch vụ công trực tuyến (nếu có). Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, TTPVHCC xem xét tính đầy đủ hợp lệ của hồ sơ:	Không quy định	- Khoản 2 Điều 201 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (được sửa đổi, bổ sung bởi điểm a khoản 78 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2022) - Khoản 2 Điều 113 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ

TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Đối tượng thực hiện; Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết; Kết quả giải quyết; Yêu cầu, điều kiện thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		ngành hoạt động cho tổ chức; - Chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục này. b) Số lượng: 01 hồ sơ	+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, TTPVHCC thông báo cho tổ chức, cá nhân biết để bổ sung. + Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định, TTPVHCC chuyển hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Môi trường để giải quyết. Bước 2: Thẩm định hồ sơ; Trong thời hạn 24,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ từ TTPVHCC, xử lý hồ sơ như sau: - Trường hợp hồ sơ đáp ứng đủ điều kiện theo quy định: Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu dự thảo trình Ủy ban nhân dân tỉnh ra Quyết định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động giám định quyền đối với giống cây trồng. - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện theo quy định: Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo bằng văn bản dự định từ chối chấp nhận hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối hồ sơ là 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản thông báo. Khi hết hạn 30 ngày: + Tổ chức yêu cầu cấp không sửa chữa thiếu sót hoặc không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến nhưng không xác đáng thì Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu UBND tỉnh Quyết định từ chối, nêu rõ lý do từ chối. + Tổ chức bổ sung hồ sơ đúng quy định: Tiếp tục tham mưu giải quyết, tham mưu UBND tỉnh Quyết định cấp giấy. Bước 3: Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh xem xét ban hành Quyết định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động giám định đối với giống cây trồng và công bố Danh sách giám định viên quyền đối với giống cây trồng trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày ra quyết định. - Trường hợp từ chối sẽ ra quyết định từ chối, nêu rõ lý do từ chối. Bước 4: Trả kết quả: Tổ chức nhận kết quả theo giấy hẹn tại Trung tâm PVHCC.		quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.

TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Đối tượng thực hiện; Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết; Kết quả giải quyết; Yêu cầu, điều kiện thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			c) Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ (không tính thời gian 30 ngày cá nhân sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối hồ sơ). Trong đó: - Trung tâm phục vụ hành chính công: 0,5 ngày làm việc; - Sở Nông nghiệp và Môi trường: 24,5 ngày làm việc. - UBND tỉnh: 5 ngày làm việc d) Yêu cầu, điều kiện thực hiện: Doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp, tổ chức hành nghề luật sư được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật có ít nhất một cá nhân có Thẻ giám định viên sở hữu trí tuệ được thực hiện hoạt động giám định về sở hữu trí tuệ.		
6	Cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng Mã TTHC: 1.012002	a) Thành phần hồ sơ: - Tờ khai yêu cầu cấp lại Thẻ giám định viên, làm theo Mẫu số 09 tại Phụ lục VI của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ; - 02 ảnh 3x4 (cm); - Chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục này) b) Số lượng: 01 bộ hồ sơ.	a) Đối tượng thực hiện: Cá nhân b) Trình tự thực hiện Bước 1: Nộp và tiếp nhận hồ sơ Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ Hành chính công (TTPVHCC) theo đường bưu điện, trực tuyến hoặc trực tiếp. Địa chỉ: Số 98, đường 23/3, phường Nghĩa Đức, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông. - Trực tuyến tại trang web Dịch vụ công tỉnh Đắk Nông (theo đường link https://dichvucong.daknong.gov.vn) * Trả lời tính đầy đủ của thành phần hồ sơ: - Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: TTPVHCC kiểm tra thành phần hồ sơ và trả lời ngay khi tổ chức, cá nhân đến nộp hồ sơ. - Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua dịch vụ công trực tuyến (nếu có). Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, TTPVHCC xem xét tính đầy đủ hợp lệ của hồ sơ: + Nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, TTPVHCC thông báo cho tổ chức, cá nhân biết để bổ sung. + Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định, TTPVHCC chuyển hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Môi trường để giải quyết.	Không quy định	- Khoản 3 Điều 112, Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.



TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Đối tượng thực hiện; Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết; Kết quả giải quyết; Yêu cầu, điều kiện thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			Bước 2: Thẩm định hồ sơ * Trong thời hạn 9,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ từ TTPVHCC, xử lý hồ sơ như sau: - Trường hợp hồ sơ đáp ứng đủ điều kiện theo quy định: Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh ra Quyết định cấp lại thẻ giám định viên. - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện theo quy định: Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo bằng văn bản dự định từ chối chấp nhận hồ sơ, trong đó nêu rõ lý do. Thời gian sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản hồi hồ sơ là 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản thông báo. Khi hết thời hạn 30 ngày: + Cá nhân yêu cầu cấp Thẻ giám định viên không sửa chữa thiếu sót hoặc không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến nhưng không xác đáng thì Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu UBND tỉnh Quyết định từ chối cấp lại thẻ giám định viên, nêu rõ lý do từ chối. + Cá nhân bổ sung hồ sơ đúng quy định: Tiếp tục giải quyết, tham mưu UBND tỉnh Quyết định cấp lại thẻ. * Trường hợp Thẻ giám định viên bị lỗi do cơ quan tham mưu gây ra: Trong thời hạn 03 ngày Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp lại Thẻ giám định viên. Bước 3: Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh xem xét quyết định cấp lại thẻ; thẻ giám định viên giám định viên quyền đối với giống cây trồng và công bố Danh sách giám định viên quyền đối với giống cây trồng trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ra quyết định. Trường hợp từ chối cấp thẻ giám định viên thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do từ chối. - Trường hợp Thẻ giám định viên bị lỗi do cơ quan tham mưu gây ra: Trong thời hạn 1,5 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ. Sở Nông nghiệp và Môi		

TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Đối tượng thực hiện; Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết; Kết quả giải quyết; Yêu cầu, điều kiện thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			trường tham mưu trình UBND tỉnh xem xét cấp lại Thẻ giám định viên giám định viên quyền đối với giống cây trồng. Bước 4: Trả kết quả: Cá nhân nhận kết quả theo giấy hẹn tại TTPVHCC tỉnh Đắk Nông. c) Thời hạn giải quyết: - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (<i>không tính thời gian 30 ngày sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối hồ sơ</i>). Trong đó: - Trung tâm phục vụ hành chính công: 0,5 ngày làm việc; - Sở Nông nghiệp và Môi trường: 9,5 ngày làm việc. - UBND tỉnh: 5 ngày làm việc - Trường hợp thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng bị lỗi do cơ quan tham mưu gây ra: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của người được cấp thẻ. Trong đó: - Trung tâm phục vụ hành chính công: 0,5 ngày làm việc; - Sở Nông nghiệp và Môi trường: 3 ngày làm việc. - UBND tỉnh: 1,5 ngày làm việc d) Yêu cầu, điều kiện thực hiện: Không có		
7	Cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng Mã TTHC 1.012001	a) Thành phần hồ sơ: - Tờ khai yêu cầu cấp Thẻ giám định viên theo Mẫu số 09 tại Phụ lục VI của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ; - Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực Giấy	a) Đối tượng thực hiện: Cá nhân. b) Trình tự thực hiện Bước 1: Nộp và tiếp nhận hồ sơ Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công (TTPVHCC) theo đường bưu điện, trực tuyến hoặc trực tiếp. Địa chỉ: Số 98, đường 23/3, phường Nghĩa Đức, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông. - Trực tuyến tại trang web Dịch vụ công tỉnh Đắk Nông (theo đường link https://dichvucong.daknong.gov.vn) * Trả lời tính đầy đủ của thành phần hồ sơ:	Không quy định	-Khoản 3 Điều 201 Luật Sở hữu trí tuệ; - Khoản 2 Điều 112, Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành

TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Đối tượng thực hiện; Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết; Kết quả giải quyết; Yêu cầu, điều kiện thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		chúng nhận đạt yêu cầu kiểm tra nghiệp vụ về giám định quyền đối với giống cây trồng; - Bản sao Bằng tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học chuyên ngành trồng trọt, nông học hoặc ngành có liên quan về giống cây trồng; - Tài liệu có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc người nộp hồ sơ đã trực tiếp làm công tác chuyên môn lĩnh vực giống cây trồng từ 05 năm trở lên; - 02 ảnh 3x4(cm). - Chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục này). b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.	- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: TTPVHCC kiểm tra thành phần hồ sơ và trả lời ngay khi tổ chức, cá nhân đến nộp hồ sơ. - Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua dịch vụ công trực tuyến (nếu có). Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, TTPVHCC xem xét tính đầy đủ hợp lệ của hồ sơ: + Nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, TTPVHCC thông báo cho tổ chức, cá nhân biết để bổ sung. + Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định, TTPVHCC chuyển hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Môi trường để giải quyết. Bước 2: Thẩm định hồ sơ Trong thời hạn 24,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ từ TTPVHCC, xử lý hồ sơ như sau: - Trường hợp hồ sơ đáp ứng đủ điều kiện theo quy định: Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu dự thảo trình Ủy ban nhân dân tỉnh ra Quyết định cấp Thẻ giám định viên; Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng. - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện theo quy định: Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo bằng văn bản dự định từ chối chấp nhận hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối hồ sơ là 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản thông báo. Khi hết hạn 30 ngày: + Cá nhân yêu cầu cấp Thẻ giám định viên không sửa chữa thiếu sót hoặc không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến nhưng không xác đáng thì Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu UBND tỉnh Quyết định từ chối cấp thẻ giám định viên, nêu rõ lý do từ chối. + Cá nhân bổ sung hồ sơ đúng quy định: Tiếp tục tham mưu giải quyết, tham mưu UBND tỉnh Quyết định cấp thẻ. Bước 3: Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh xem xét ban hành Quyết định cấp thẻ giám định viên; Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng và công bố Danh sách giám định viên quyền đối với giống cây trồng trên Cổng		Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.

TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Đối tượng thực hiện; Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết; Kết quả giải quyết; Yêu cầu, điều kiện thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ra quyết định. - Trường hợp từ chối cấp thẻ giám định viên sẽ ra quyết định từ chối cấp thẻ, nêu rõ lý do từ chối. Bước 4: Trả kết quả: Cá nhân nhận kết quả theo giấy hẹn tại Trung tâm PVHCC. c) Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ (không tính thời gian 30 ngày cá nhân sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối hồ sơ). d) Yêu cầu, điều kiện thực hiện Là công dân Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; - Thường trú tại Việt Nam (có nơi thường trú tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về cư trú); - Có phẩm chất đạo đức tốt (không bị xử lý vi phạm hành chính do vi phạm pháp luật về giống cây trồng hoặc về hành vi vi phạm đạo đức nghề nghiệp và không thuộc diện bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án mà chưa được xoá án tích); - Có trình độ đại học trở lên về chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực đề nghị cấp thẻ giám định, đã qua thực tế hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực đó từ năm năm trở lên và đạt yêu cầu kiểm tra nghiệp vụ về giám định (đã trực tiếp làm công tác soạn thảo và hướng dẫn thi hành văn bản quy phạm pháp luật về giống cây trồng, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, thanh tra về giống cây trồng tại các cơ quan quản lý nhà nước về bảo hộ giống cây trồng, nghiên cứu, giảng dạy về bảo hộ giống cây trồng tại tổ chức nghiên cứu, đào tạo được thành lập và hoạt động hợp pháp, hoặc tư vấn về pháp luật về bảo hộ giống cây trồng dưới danh nghĩa người đại diện quyền đối với giống cây trồng)		
8	Thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức	a) Thành phần hồ sơ: - Đơn yêu cầu thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức	a) Đối tượng thực hiện: Tổ chức, cá nhân. b) Trình tự thực hiện Bước 1: Nộp và tiếp nhận hồ sơ	Không quy định	Khoản 2 Điều 201 của Luật Sở hữu trí tuệ;



TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Đối tượng thực hiện; Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết; Kết quả giải quyết; Yêu cầu, điều kiện thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	giám định quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân Mã TTHC: 1.012000.	chức giám định quyền đối với giống cây trồng; - Chứng cứ chứng minh căn cứ đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng. b) Số lượng: 01 bộ hồ sơ.	Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ Hành chính công (TTPVHCC) theo đường bưu điện, trực tuyến hoặc trực tiếp. Địa chỉ: Số 98, đường 23/3, phường Nghĩa Đức, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông. Trực tuyến tại trang web Dịch vụ công tỉnh Đắk Nông (theo đường link https://dichvucong.daknong.gov.vn) * Trả lời tính đầy đủ của thành phần hồ sơ: - Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: TTPVHCC kiểm tra thành phần hồ sơ và trả lời ngay khi tổ chức, cá nhân đến nộp hồ sơ. - Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua dịch vụ công trực tuyến (nếu có). Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, TTPVHCC xem xét tính đầy đủ hợp lệ của hồ sơ: + Nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, TTPVHCC thông báo cho tổ chức, cá nhân biết để bổ sung. + Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định, TTPVHCC chuyển hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Môi trường để giải quyết. Bước 3: Thẩm định hồ sơ - Trong thời hạn 54,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ từ TTPVHCC, Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện: - Thông báo bằng văn bản yêu cầu này cho Tổ chức được cấp giấy. Thời hạn có ý kiến là 30 ngày kể từ ngày ra thông báo. - Trên cơ sở các ý kiến, tham mưu dự thảo trình Ủy ban nhân dân tỉnh ra Quyết định thu hồi hoặc quyết định từ chối thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng. Bước 3: Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh xem xét quyết định thu hồi hoặc quyết định từ chối thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng. Bước 4: Trả kết quả: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả theo giấy hẹn tại TTPVHCC tỉnh Đắk Nông.		- Khoản 4 Điều 113, Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.



TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Đối tượng thực hiện; Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết; Kết quả giải quyết; Yêu cầu, điều kiện thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			c) Thời hạn giải quyết: 60 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. Trong đó: - Trung tâm phục vụ hành chính công: 0,5 ngày làm việc; - Sở Nông nghiệp và Môi trường: 54,5 ngày làm việc. - UBND tỉnh: 05 ngày làm việc d) Yêu cầu, điều kiện thực hiện: - Có chứng cứ khẳng định rằng Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng được cấp trái với các quy định của pháp luật; - Tổ chức không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 201 của Luật Sở hữu trí tuệ; - Tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng chấm dứt hoạt động giám định.		
9	Thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân Mã TTHC: 1.011999	a) Thành phần hồ sơ: - Đơn yêu cầu thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng; - Chứng cứ chứng minh căn cứ đề nghị thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng. b) Số lượng: 01 bộ hồ sơ.	a) Đối tượng thực hiện: Tổ chức, cá nhân. b) Trình tự thực hiện Bước 1: Nộp và tiếp nhận hồ sơ - Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ Hành chính công (TTPVHCC) theo đường bưu điện, trực tuyến hoặc trực tiếp. Địa chỉ: Số 98, đường 23/3, phường Nghĩa Đức, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông. - Trực tuyến tại trang web Dịch vụ công tỉnh Đắk Nông (theo đường link https://dichvucong.daknong.gov.vn) * Trả lời tính đầy đủ của thành phần hồ sơ: - Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: TTPVHCC kiểm tra thành phần hồ sơ và trả lời ngay khi tổ chức, cá nhân đến nộp hồ sơ. - Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua dịch vụ công trực tuyến (nếu có). Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, TTPVHCC xem xét tính đầy đủ hợp lệ của hồ sơ: + Nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, TTPVHCC thông báo cho tổ chức, cá nhân biết để bổ sung.	Không quy định	- Khoản 3 Điều 201 của Luật Sở hữu trí tuệ; - Khoản 4 Điều 112, Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng

TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Đối tượng thực hiện; Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết; Kết quả giải quyết; Yêu cầu, điều kiện thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			+ Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định, TTPVHCC chuyển hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Môi trường (<i>thông qua Chi cục Phát triển nông nghiệp</i>) để giải quyết.. Bước 2: Thẩm định hồ sơ - Trong thời hạn 54,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ từ TTPVHCC, Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện: - Thông báo bằng văn bản yêu cầu này cho cá nhân được cấp Thẻ giám định viên. Thời hạn có ý kiến là 30 ngày kể từ ngày ra thông báo. - Trên cơ sở các ý kiến, tham mưu dự thảo trình Ủy ban nhân dân tỉnh ra Quyết định thu hồi hoặc Quyết định từ chối thu hồi Thẻ giám định viên. Bước 3: Trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh xem xét ra Quyết định thu hồi hoặc quyết định từ chối thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng. Bước 4: Trả kết quả: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả theo giấy hẹn tại TTPVHCC tỉnh Đắk Nông. c) Thời hạn giải quyết: Kể từ ngày nhận được yêu cầu thu hồi đến khi người được cấp Thẻ có ý kiến: 02 tháng. Trong đó: - Trung tâm phục vụ hành chính công: 0,5 ngày làm việc; - Sở Nông nghiệp và Môi trường: 54,5 ngày làm việc. - UBND tỉnh: 5 ngày làm việc d) Yêu cầu, điều kiện thực hiện - Có chứng cứ khẳng định rằng Thẻ giám định viên được cấp trái với quy định pháp luật; - Người được cấp Thẻ giám định viên không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 201 của Luật Sở hữu trí tuệ; - Người được cấp Thẻ giám định viên từ bỏ hoạt động giám định; - Người được cấp Thẻ giám định viên bị xử phạt bằng hình thức thu hồi Thẻ giám định viên theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.		và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.

TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Đối tượng thực hiện; Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết; Kết quả giải quyết; Yêu cầu, điều kiện thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
10	Nộp tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn 2 huyện trở lên. Mã TTHC: 1.012848	1. Thành phần hồ sơ: Bản kê khai diện tích đất chuyên trồng lúa chuyển mục đích sử dụng sang đất phi nông nghiệp theo mẫu tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.	a) Đối tượng thực hiện: Tổ chức, cá nhân (Người được nhà nước giao đất, thuê đất). b) Trình tự thực hiện: Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu xây dựng công trình trên đất được chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa sang đất phi nông nghiệp gửi hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua bưu chính đến tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (TTPVHCC). Địa chỉ: Số 98, đường 23/3, phường Nghĩa Đức, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông - Trực tuyến tại trang web Dịch vụ công tỉnh Đắk Nông (theo đường link https://dichvucong.daknong.gov.vn) * Tiếp nhận, trả lời hồ sơ: Trong thời gian 07 ngày kể từ ngày nhận quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; người được nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp nộp hồ sơ: - Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Nông xem xét, kiểm tra thành phần hồ sơ và trả lời ngay khi tổ chức đến nộp hồ sơ. - Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua dịch vụ công trực tuyến (nếu có): + Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết Phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo mẫu). + Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định (theo mẫu). + Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn người nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định (theo mẫu). - Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Nông chuyển hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Không quy định	Điều 13 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Đối tượng thực hiện; Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết; Kết quả giải quyết; Yêu cầu, điều kiện thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			Bước 2: Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung chủ yếu trong hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ hợp lệ, thực hiện Bước 3. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo hoặc hướng dẫn bằng văn bản gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Nông; Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc (<i>không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính</i>) TTPVHCC thông báo cho tổ chức, cá nhân điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Bước 3: Xử lý hồ sơ: - Thẩm định hồ sơ và xác nhận diện tích đất chuyên trồng lúa: Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được Bản kê khai hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định và ban hành văn bản xác nhận diện tích đất chuyên trồng lúa phải nộp tiền theo mẫu tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP gửi đến cơ quan tài chính cùng cấp để xác định số tiền phải nộp. - Cơ quan tài chính xác định số tiền phải nộp: Trong thời hạn 05 ngày, Sở Tài chính căn cứ văn bản xác nhận diện tích đất chuyên trồng lúa của Sở Nông nghiệp và Môi trường cùng cấp, bảng giá loại đất trồng lúa tại thời điểm chuyển mục đích sử dụng đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định, Sở Tài chính cấp tỉnh xác định số tiền phải nộp theo mẫu tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường và người được nhà nước giao đất, cho thuê đất. - Người được giao đất, cho thuê đất thực hiện nộp tiền: Trong thời hạn 30 ngày, người được nhà nước giao đất, cho thuê đất thực hiện trách nhiệm nộp tiền tại cơ quan kho bạc theo thông báo của Sở Tài chính. + Sau 30 ngày kể từ ngày có văn bản thông báo của cơ quan tài chính; người được nhà nước giao đất, cho thuê đất chưa nộp hoặc nộp chưa đủ số tiền để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả		

TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Đối tượng thực hiện; Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết; Kết quả giải quyết; Yêu cầu, điều kiện thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			sử dụng đất trồng lúa thì phải nộp thêm tiền chậm nộp. Mức tính tiền chậm nộp và thời gian tính tiền chậm nộp được quy định như sau: + Mức tính tiền chậm nộp bằng 0,03%/ngày tính trên số tiền phải nộp để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa chậm nộp; + Thời gian tính tiền chậm nộp được tính liên tục kể từ ngày tiếp theo ngày phát sinh tiền chậm nộp đến ngày liền kề trước ngày số tiền đã nộp vào ngân sách nhà nước; + Người nộp tiền tự xác định số tiền chậm nộp theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 4 Điều 13 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP và nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định. Người nộp tiền phải nộp tiền chậm nộp được miễn tiền chậm nộp trong trường hợp bất khả kháng như bị thiệt hại vật chất do gặp thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ. Bước 4: Trả kết quả; Tổ chức, cá nhân nhận kết quả theo giấy hẹn tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Nông. c) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc. Trong đó: - Trung tâm Phục vụ hành chính công: 0,5 ngày làm việc; - Sở Nông nghiệp và Môi trường: 9,5 ngày làm việc (trong đó có 2,5 ngày kiểm tra hồ sơ). - Sở Tài chính: 5 ngày làm việc. d) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)		
11	Thẩm định phương án sử dụng tăng đất mặt đối với công trình có diện tích đất chuyên	1. Thành phần hồ sơ : - Đơn đề nghị thẩm định phương án sử dụng tăng đất mặt theo mẫu tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP; - Phương án sử dụng tăng	a) Đối tượng thực hiện: Tổ chức, cá nhân (Người được nhà nước giao đất, thuê đất). b) Trình tự thực hiện: Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu xây dựng công trình trên đất được chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa sang đất phi nông nghiệp gửi hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua bưu chính đến tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (TTPVHCC).	Không quy định	Điều 11 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất

TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Đối tượng thực hiện; Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết; Kết quả giải quyết; Yêu cầu, điều kiện thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	trồng lúa trên địa bàn 2 huyện trở lên. Mã TTHC: 1.012847	đất mặt theo mẫu tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP; - Sơ đồ mô tả vị trí sử dụng khối lượng đất mặt sau khi bóc tách. 2. Số lượng: 01 bộ hồ sơ.	Địa chỉ: Số 98, đường 23/3, phường Nghĩa Đức, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông - Trực tuyến tại trang web Dịch vụ công tỉnh Đắk Nông (theo đường link https://dichvucong.daknong.gov.vn) * Tiếp nhận, trả lời hồ sơ: - Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Nông xem xét, kiểm tra thành phần hồ sơ và trả lời ngay khi tổ chức đến nộp hồ sơ. - Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua dịch vụ công trực tuyến (nếu có): + Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết Phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo mẫu). + Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định (theo mẫu). + Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn người nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định (theo mẫu). - Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Nông chuyển hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Phát triển nông nghiệp) để giải quyết. Bước 2: Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Phát triển nông nghiệp) có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung chủ yếu trong hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ hợp lệ, thực hiện Bước 3. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Chi cục Phát triển nông nghiệp thông báo hoặc hướng dẫn bằng văn bản gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Nông; Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc (<i>không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính</i>) TTPVHCC thông báo cho tổ chức, cá nhân điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Bước 3: Xử lý hồ sơ:		

TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Đối tượng thực hiện; Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết; Kết quả giải quyết; Yêu cầu, điều kiện thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			+ Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thẩm định phương án sử dụng tầng đất mặt. + Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày có kết quả thẩm định, Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu trình UBND tỉnh dự thảo văn bản chấp thuận phương án sử dụng tầng đất mặt theo mẫu tại Phụ lục IX hoặc văn bản không chấp thuận theo mẫu tại Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP. Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả theo giấy hẹn tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Nông. c) Thời hạn giải quyết: 23 ngày làm việc. Trong đó: - Trung tâm Phục vụ hành chính công: 0,5 ngày làm việc; - Sở Nông nghiệp và Môi trường: 17,5 ngày làm việc. - Ủy ban nhân dân tỉnh: 5 ngày làm việc. d) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không		
12	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật Mã TTHC: 1.004493	a. Thành phần hồ sơ: - Đơn đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXIV ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT). - Bản sao chụp Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật. - Sản phẩm quảng cáo (nội dung, hình thức quảng cáo được thể hiện	Trình tự thực hiện: - Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp, dịch vụ bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (TTPVHCC). Địa chỉ: Số 98, đường 23/3, phường Nghĩa Đức, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông - Trực tuyến tại trang web Dịch vụ công tỉnh Đắk Nông (theo đường link https://dichvucong.daknong.gov.vn) Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc, Trung tâm phục vụ hành chính công chuyển hồ sơ cho Chi cục Phát triển nông nghiệp. - Bước 2: Tiếp nhận, thẩm định và cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXV ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT) trong thời hạn 10 ngày làm việc. Trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do Trả kết quả: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả theo giấy hẹn tại Trung tâm phục vụ hành chính công.	600.000 đồng/lần	Điều 70 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013. - Điều 10, Điều 12 Nghị định số 181/2013/NĐ-CP, ngày 14/11/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo. - Điều 61, Điều 62 Thông tư số

TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Đối tượng thực hiện; Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết; Kết quả giải quyết; Yêu cầu, điều kiện thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		bằng hình ảnh, âm thanh, tiếng nói, chữ viết, biểu tượng, màu sắc, ánh sáng và các hình thức tương tự). - Danh sách báo cáo viên ghi đầy đủ thông tin về bằng cấp chuyên môn hoặc chức danh khoa học của báo cáo viên (đối với trường hợp hội chợ, hội thảo, hội nghị, tổ chức sự kiện, triển lãm, chương trình văn hóa, thể thao) b. Số lượng: 01 bộ.	Thời hạn giải quyết: 07 ngày (ngày làm việc), kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ - Trung tâm phục vụ hành chính công: 0,5 ngày làm việc; - Chi cục Phát triển nông nghiệp: 6,5 ngày làm việc. Yêu cầu, điều kiện thực hiện: Không		21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về Quản lý thuốc bảo vệ thực vật. - Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 5 năm 2021 Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động kiểm dịch và bảo vệ thực vật thuộc lĩnh vực nông nghiệp.
13	Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón Mã TTHC: 1.007933	Thành phần hồ sơ: a) Đơn đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo phân bón theo Mẫu số 20 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 84/2019/NĐ-CP; b) Bản sao hợp lệ Quyết	Trình tự thực hiện: Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp, dịch vụ bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (TTPVHCC). Địa chỉ: Số 98, đường 23/3, phường Nghĩa Đức, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông - Trực tuyến tại trang web Dịch vụ công tỉnh Đắk Nông (theo đường link https://dichvucong.daknong.gov.vn) Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc, Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	- Điều 49 Luật Trồng trọt năm 2018; - Điều 4, Điều 24, Điều 26 Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của

TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Đối tượng thực hiện; Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết; Kết quả giải quyết; Yêu cầu, điều kiện thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam. c) 02 kịch bản quảng cáo và file điện tử ghi âm, ghi hình hoặc bản thiết kế phù hợp với loại hình và phương thức quảng cáo (trừ quảng cáo thông qua hình thức hội thảo, hội nghị, tổ chức sự kiện); d) Đối với quảng cáo thông qua hình thức hội thảo, hội nghị, tổ chức sự kiện phải có: chương trình (ghi rõ nội dung); thời gian; địa điểm tổ chức; nội dung bài báo cáo và tài liệu phát cho người dự; bảng kê tên, chức danh, trình độ chuyên môn của báo cáo viên. Số lượng: 01 bộ	chuyển hồ sơ cho Chi cục Phát triển nông nghiệp được Sở Nông nghiệp và Môi trường giao thực hiện thủ tục hành chính. Bước 2: Trả lời tính đầy đủ của thành phần hồ sơ: Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ kiểm tra thành phần hồ sơ và trả lời ngay khi tổ chức, cá nhân đến nộp hồ sơ; Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, Cơ quan tiếp nhận hồ sơ xem xét tính đầy đủ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trả lại hồ sơ và thông báo cho tổ chức, cá nhân biết để bổ sung, hoàn thiện. Bước 3: Thẩm định và có văn bản xác nhận nội dung quảng cáo Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cơ quan tiếp nhận hồ sơ thẩm định, nếu hồ sơ đáp ứng quy định thì có văn bản xác nhận nội dung quảng cáo theo Mẫu số 21 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 84/2019/NĐ-CP; trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do. Đối với quảng cáo thông qua hình thức hội thảo, hội nghị, tổ chức sự kiện: Trước khi tiến hành việc quảng cáo ít nhất 02 ngày làm việc, tổ chức, cá nhân có phân bón đã được cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo phải có văn bản thông báo về hình thức, thời gian và địa điểm quảng cáo kèm theo bản sao giấy xác nhận nội dung quảng cáo cho Sở Nông nghiệp và Môi trường nơi tổ chức quảng cáo để thanh tra, kiểm tra trong trường hợp cần thiết. Cách thức thực hiện: a) Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính: Các thành phần hồ sơ phải là bản chính hoặc bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao chứng thực hoặc nộp bản sao xuất trình bản chính để đối chiếu; b) Trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng: Các thành phần hồ sơ phải được scan, chụp từ bản chính. Trả kết quả: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả theo giấy hẹn tại Trung tâm		Chính phủ quy định về quản lý phân bón.

TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Đối tượng thực hiện; Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết; Kết quả giải quyết; Yêu cầu, điều kiện thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			phục vụ hành chính công. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ - Trung tâm phục vụ hành chính công: 0,5 ngày làm việc; - Chi cục Phát triển nông nghiệp: 4,5 ngày làm việc. Yêu cầu, điều kiện thực hiện: Không		
14	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật Mã TTHC: 1.004363	a. Thành phần hồ sơ: - Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT). - Bản thuyết minh điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT). b. Số lượng: 01 bộ	Trình tự thực hiện: - Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp, dịch vụ bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (TTPVHCC). Địa chỉ: Số 98, đường 23/3, phường Nghĩa Đức, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông - Trục tuyến tại trang web Dịch vụ công tỉnh Đắk Nông (theo đường link https://dichvucong.daknong.gov.vn) - Bước 2: Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ trong thời hạn 02 ngày làm việc. Hồ sơ không hợp lệ thì trả lại và yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. - Bước 3: Thẩm định hồ sơ trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đầy đủ. Trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng được quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. - Bước 4: Thành lập đoàn đánh giá Chi cục Phát triển nông nghiệp tỉnh quyết định thành lập Đoàn đánh giá trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ. - Bước 5: Đánh giá thực tế tại cơ sở Đoàn đánh giá thông báo bằng văn bản cho cơ sở về kế hoạch đánh giá trước thời điểm đánh giá 05 ngày, thời gian đánh giá tại cơ sở không quá 01 ngày làm việc. - Bước 6: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục XX ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT) trong thời hạn 05 ngày làm việc. + Trường hợp chưa đạt yêu cầu Chi cục Phát triển nông nghiệp thông báo bằng văn bản cho cơ sở những điều kiện không đạt và yêu cầu tổ chức, cá nhân khắc phục trong vòng 60 ngày. Chi cục Phát triển nông nghiệp cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật trong thời hạn 03	800.000 đồng/lần	- Điều 63, Điều 65, Điều 66 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013. - Điều 4 Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; giống cây trồng; nuôi động vật rừng thông thường; chăn nuôi; thủy sản; thực phẩm. - Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 ngày 9 năm 2018 sửa đổi,



TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Đối tượng thực hiện; Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết; Kết quả giải quyết; Yêu cầu, điều kiện thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản báo cáo khắc phục của cơ sở hoặc kết quả kiểm tra lại. + Trường hợp không cấp, Chi cục Phát triển nông nghiệp trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Trả kết quả: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả theo giấy hẹn tại Trung tâm phục vụ hành chính công. Thời hạn giải quyết: 16 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ (trường hợp kết quả đánh giá đạt yêu cầu). - Trung tâm phục vụ hành chính công: 0,5 ngày làm việc; - Chi cục Phát triển nông nghiệp: 15,5 ngày làm việc. Yêu cầu, điều kiện thực hiện: Tổ chức, cá nhân buôn bán thuốc bảo vệ thực vật phải bảo đảm các điều kiện sau đây: - Chủ cơ sở buôn bán thuốc hoặc người trực tiếp quản lý và người trực tiếp bán thuốc bảo vệ thực vật phải có trình độ trung cấp trở lên về một trong các chuyên ngành bảo vệ thực vật, trồng trọt, hóa học, sinh học, nông học hoặc có Giấy chứng nhận bồi dưỡng chuyên môn về thuốc bảo vệ thực vật. - Địa điểm cửa hàng buôn bán thuốc bảo vệ thực vật tách biệt với khu vực dịch vụ ăn uống, trường học, bệnh viện; khi xây dựng phải cách nguồn nước (sông, hồ, kênh, rạch, giếng nước) tối thiểu 20 m. - Kho thuốc bảo vệ thực vật + Đối với cơ sở bán buôn, kho thuốc bảo vệ thực vật phải đảm bảo yêu cầu của Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 5507:2002 Hóa chất nguy hiểm - Quy phạm an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển; + Đối với cơ sở bán lẻ, kho thuốc bảo vệ thực vật phải xây dựng cách nguồn nước (sông, hồ, kênh, rạch, giếng nước) tối thiểu 20 m và có kệ kê hàng cao tối thiểu 10 cm so với mặt sàn, cách tường tối thiểu 20 cm.		bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp. - Điều 35 Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về Quản lý thuốc bảo vệ thực vật. - Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động kiểm dịch và bảo vệ thực vật thuộc lĩnh vực nông nghiệp. - Điều 1 Thông tư số 11/2022/TT-BNNPTNT ngày

TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Đối tượng thực hiện; Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết; Kết quả giải quyết; Yêu cầu, điều kiện thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					20 tháng 9 năm 2022 của Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật.
15	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật Mã TTHC: 1.004346	a. Thành phần hồ sơ: - Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TTBNNPTNT) - Bản thuyết minh điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (theo quy định tại Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT). b. Số lượng: 01 bộ	Trình tự thực hiện: - Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp, dịch vụ bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (TTPVHCC). Địa chỉ: Số 98, đường 23/3, phường Nghĩa Đức, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông - Trục tuyến tại trang web Dịch vụ công tỉnh Đắk Nông (theo đường link https://dichvucong.daknong.gov.vn) Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc, Trung tâm phục vụ hành chính công chuyển hồ sơ cho Chi cục Phát triển nông (trước 03 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật hết hạn) - Bước 2: Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ trong thời hạn 02 ngày làm việc. Hồ sơ không hợp lệ thì trả lại hồ sơ và yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. - Bước 3: Thẩm định hồ sơ trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ. Trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng được quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. - Bước 4: Thành lập đoàn đánh giá Chi cục trưởng Chi cục Chi cục Phát triển nông nghiệp tỉnh quyết định thành	800.000 đồng/lần	- Điều 63, Điều 65, Điều 66 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013. - Điều 4 Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; giống cây trồng; nuôi động vật rừng thông thường; chăn

TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Đối tượng thực hiện; Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết; Kết quả giải quyết; Yêu cầu, điều kiện thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			lập Đoàn đánh giá trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ. - Bước 5: Đánh giá thực tế tại cơ sở Đoàn đánh giá thông báo bằng văn bản cho cơ sở về kế hoạch đánh giá trước thời điểm đánh giá 05 ngày, thời gian đánh giá tại cơ sở không quá 01 ngày làm việc. - Bước 6: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục XX ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT) trong thời hạn 05 ngày làm việc. + Trường hợp chưa đạt yêu cầu, Chi cục Phát triển nông nghiệp thông báo bằng văn bản cho cơ sở những điều kiện không đạt và yêu cầu tổ chức, cá nhân khắc phục trong vòng 60 ngày Chi cục Phát triển nông nghiệp cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản báo cáo khắc phục của cơ sở hoặc kết quả kiểm tra lại. + Trường hợp không cấp, Chi cục Phát triển nông nghiệp trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Trả kết quả: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả theo giấy hẹn tại Trung tâm phục vụ hành chính công. Thời hạn giải quyết: 16 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ (trường hợp kết quả đánh giá đạt yêu cầu). - Trung tâm phục vụ hành chính công: 0,5 ngày làm việc; - Chi cục Phát triển nông nghiệp: 15,5 ngày làm việc. Yêu cầu, điều kiện thực hiện: Trước 03 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật hết hạn, tổ chức, cá nhân có nhu cầu tiếp tục buôn bán thuốc bảo vệ thực vật phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy chứng nhận và phải bảo đảm các điều kiện sau đây: - Chủ cơ sở buôn bán thuốc hoặc người trực tiếp quản lý và người trực tiếp bán thuốc bảo vệ thực vật phải có trình độ trung cấp trở lên về một trong các chuyên ngành bảo vệ thực vật, trồng trọt, hóa học, sinh học, nông học		nuôi; thủy sản; thực phẩm. - Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp. - Điều 36 Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015 của Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về Quản lý thuốc bảo vệ thực vật. - Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản

TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Đối tượng thực hiện; Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết; Kết quả giải quyết; Yêu cầu, điều kiện thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			hoặc có Giấy chứng nhận bồi dưỡng chuyên môn về thuốc bảo vệ thực vật. - Địa điểm cửa hàng buôn bán thuốc bảo vệ thực vật tách biệt với khu vực dịch vụ ăn uống, trường học, bệnh viện; khi xây dựng phải cách nguồn nước (sông, hồ, kênh, rạch, giếng nước) tối thiểu 20 m. - Kho thuốc bảo vệ thực vật + Đối với cơ sở bán buôn, kho thuốc bảo vệ thực vật phải đảm bảo yêu cầu của Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 5507:2002 Hóa chất nguy hiểm - Quy phạm an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển; + Đối với cơ sở bán lẻ, kho thuốc bảo vệ thực vật phải xây dựng cách nguồn nước (sông, hồ, kênh, rạch, giếng nước) tối thiểu 20 m và có kệ kê hàng cao tối thiểu 10 cm so với mặt sàn, cách tường tối thiểu 20 cm.		lý và sử dụng phí trong hoạt động kiểm dịch và bảo vệ thực vật thuộc lĩnh vực nông nghiệp. - Điều 1 Thông tư số 11/2022/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật.
16	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón Mã TTHC: 1.007931	a. Thành phần hồ sơ: - Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 130/2022/NĐ-CP. - Bản sao Bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên của người trực tiếp buôn	Trình tự thực hiện: - Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp, dịch vụ bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (TTPVHCC). Địa chỉ: Số 98, đường 23/3, phường Nghĩa Đức, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông - Trực tuyến tại trang web Dịch vụ công tỉnh Đắk Nông (theo đường link https://dichvucong.daknong.gov.vn) Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc, Trung tâm phục vụ hành chính công chuyển hồ sơ cho Chi cục Phát triển nông nghiệp được Sở Nông nghiệp và Môi trường giao thực hiện thủ tục hành chính	500.000 đồng/01 cơ sở/lần.	- Điều 42 Luật Trồng trọt năm 2018. - Điều 4, Điều 13, Điều 15, Điều 17, Điều 26 Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy

TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Đối tượng thực hiện; Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết; Kết quả giải quyết; Yêu cầu, điều kiện thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		bán phân bón theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 42 Luật Trồng trọt (trường hợp có thông tin về chứng nhận đã được tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn về phân bón được thể hiện tại Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón thì không phải nộp thành phần hồ sơ này) b. Số lượng: 01 bộ Quy định về các thành phần hồ sơ: - Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính: Các thành phần hồ sơ phải là bản chính hoặc bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao chứng thực hoặc nộp bản sao xuất trình bản chính để đối chiếu. - Trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng: Các thành phần hồ sơ	Bước 2: Trả lời tính đầy đủ của thành phần hồ sơ: Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ kiểm tra thành phần hồ sơ và trả lời ngay khi tổ chức, cá nhân đến nộp hồ sơ; Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, Cơ quan tiếp nhận hồ sơ xem xét tính đầy đủ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, Cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lại hồ sơ và thông báo cho tổ chức, cá nhân biết để bổ sung, hoàn thiện. - Bước 3: Thẩm định và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cơ quan tiếp nhận hồ sơ thẩm định nội dung hồ sơ, nếu hồ sơ đạt yêu cầu thực hiện kiểm tra điều kiện buôn bán phân bón tại tổ chức, cá nhân và lập biên bản kiểm tra theo Mẫu số 12 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 84/2019/NĐ-CP. Trường hợp tổ chức, cá nhân buôn bán phân bón không đáp ứng điều kiện, phải thực hiện khắc phục, sau khi khắc phục có văn bản thông báo đến Cơ quan tiếp nhận hồ sơ để kiểm tra nội dung đã khắc phục. Trường hợp kết quả kiểm tra đạt yêu cầu, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Cơ quan tiếp nhận hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón theo Mẫu số 11 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 84/2019/NĐ-CP. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Trả kết quả: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả theo giấy hẹn tại Trung tâm phục vụ hành chính công. Thời hạn giải quyết: 13 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ. - Trung tâm phục vụ hành chính công: 0,5 ngày làm việc; - Chi cục Phát triển nông nghiệp được Sở Nông nghiệp và Môi trường giao thực hiện thủ tục hành chính 12,5 ngày làm việc. Yêu cầu, điều kiện thực hiện: Điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón bao gồm:		định về quản lý phân bón. - Điều 1 Nghị định số 130/2022/NĐ-CP ngày 31/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón, Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác. - Điều 2 Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của

TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Đối tượng thực hiện; Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết; Kết quả giải quyết; Yêu cầu, điều kiện thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		phải được scan, chụp từ bản chính.	- Có địa điểm giao dịch hợp pháp, rõ ràng; - Có đầy đủ hồ sơ, giấy tờ truy xuất nguồn gốc phân bón theo quy định; - Người trực tiếp buôn bán phân bón phải được tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn về phân bón theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, trừ trường hợp đã có trình độ từ trung cấp trở lên thuộc một trong các chuyên ngành về trồng trọt, bảo vệ thực vật, nông hóa thổ nhưỡng, khoa học đất, nông học, hóa học, sinh học		Bộ Tài Chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp.
17	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón Mã TTHC: 1.007932	a. Thành phần hồ sơ: (i) Trường hợp Giấy chứng nhận bị mất, hư hỏng. - Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 130/2022/NĐ-CP; - Bản chính Giấy chứng nhận đã được cấp (trường hợp Giấy chứng nhận bị hư hỏng). (ii) Trường hợp thay đổi nội dung thông tin tổ chức, cá nhân ghi trên Giấy chứng nhận.	Trình tự thực hiện: - Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp, dịch vụ bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (TTPVHCC). Địa chỉ: Số 98, đường 23/3, phường Nghĩa Đức, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông - Trực tuyến tại trang web Dịch vụ công tỉnh Đắk Nông (theo đường link https://dichvucong.daknong.gov.vn) Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc, Trung tâm phục vụ hành chính công chuyển hồ sơ cho Chi cục Phát triển nông nghiệp được Sở Nông nghiệp và Môi trường giao thực hiện thủ tục hành chính. - Bước 2: Trả lời tính đầy đủ của thành phần hồ sơ: Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ kiểm tra thành phần hồ sơ và trả lời ngay khi tổ chức, cá nhân đến nộp hồ sơ; Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: Trong thời	200.000 đồng/01 cơ sở/lần.	- Điều 42 Luật Trồng trọt năm 2018; - Điều 4, Điều 13, Điều 16, Điều 17, Điều 26 Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón; - Điều 1 Nghị định số 130/2022/NĐ-



TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Đối tượng thực hiện; Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết; Kết quả giải quyết; Yêu cầu, điều kiện thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 130/2022/NĐ-CP; - Bản chính Giấy chứng nhận đã được cấp. (iii) Trường hợp thay đổi về địa điểm buôn bán phân bón - Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 130/2022/NĐ-CP; - Bản sao Bảng tốt nghiệp trung cấp trở lên của người trực tiếp buôn bán phân bón theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 42 Luật Trồng trọt (trường hợp có thông tin về chứng nhận đã được tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn về phân bón được thể hiện tại Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón thì không phải nộp thành phần hồ sơ này). - Bản chính Giấy chứng	hạn không quá 02 ngày làm việc, Cơ quan tiếp nhận hồ sơ xem xét tính đầy đủ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, Cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lại hồ sơ và thông báo cho tổ chức, cá nhân biết để bổ sung, hoàn thiện. - Bước 3: Thẩm định và cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón (i) Trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón thay đổi về địa điểm buôn bán phân bón. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cơ quan tiếp nhận hồ sơ thẩm định nội dung hồ sơ, nếu hồ sơ đạt yêu cầu thực hiện kiểm tra điều kiện buôn bán phân bón tại tổ chức, cá nhân và lập biên bản kiểm tra theo Mẫu số 12 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 84/2019/NĐ-CP. Trường hợp tổ chức, cá nhân buôn bán phân bón không đáp ứng điều kiện, phải thực hiện khắc phục, sau khi khắc phục có văn bản thông báo đến Cơ quan tiếp nhận hồ sơ để kiểm tra nội dung đã khắc phục. Trường hợp kết quả kiểm tra đạt yêu cầu, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Cơ quan tiếp nhận hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón theo Mẫu số 11 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 84/2019/NĐ-CP. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. (ii) Trường hợp Giấy chứng nhận bị mất, hư hỏng; thay đổi nội dung thông tin tổ chức, cá nhân ghi trên Giấy chứng nhận Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ Cơ quan tiếp nhận hồ sơ cấp lại Giấy chứng nhận. Trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ Cơ quan tiếp nhận hồ sơ cấp lại Giấy chứng nhận. Trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Trả kết quả: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả theo giấy hẹn tại Trung tâm		CP ngày 31/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón, Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác. - Điều 2 Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ Tài Chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư

TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Đối tượng thực hiện; Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết; Kết quả giải quyết; Yêu cầu, điều kiện thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		nhận đã được cấp. b. Số lượng: 01 bộ Quy định về thành phần hồ sơ: - Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính: Các thành phần hồ sơ phải là bản chính hoặc bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao chứng thực hoặc nộp bản sao xuất trình bản chính để đối chiếu - Trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng: Các thành phần hồ sơ phải được scan, chụp từ bản chính	phục vụ hành chính công. Thời hạn giải quyết: 13 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đầy đủ. Thời gian thực hiện: + 13 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón thay đổi về địa điểm buôn bán phân bón (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân). + 05 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận bị mất, hư hỏng; thay đổi nội dung thông tin tổ chức, cá nhân ghi trên Giấy chứng nhận (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ). - Trung tâm phục vụ hành chính công: 0,5 ngày làm việc; - Chi cục Phát triển nông nghiệp được Sở Nông nghiệp và Môi trường giao thực hiện thủ tục hành chính: 12,5 ngày làm việc. Yêu cầu, điều kiện thực hiện: Điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón bao gồm: - Có địa điểm giao dịch hợp pháp, rõ ràng; - Có đầy đủ hồ sơ, giấy tờ truy xuất nguồn gốc phân bón theo quy định - Người trực tiếp buôn bán phân bón phải được tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn về phân bón theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, trừ trường hợp đã có trình độ từ trung cấp trở lên thuộc một trong các chuyên ngành về trồng trọt, bảo vệ thực vật, nông hóa thổ nhưỡng, khoa học đất, nông học, hóa học, sinh học.		số 207/2016/TT-BTC ngày 09 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp.

TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Đối tượng thực hiện; Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết; Kết quả giải quyết; Yêu cầu, điều kiện thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
18	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật Mã TTHC: 1.003984	a. Thành phần hồ sơ: Giấy đăng ký kiểm dịch thực vật vận chuyển nội địa (theo mẫu qui định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư 35/2015/TT-BNNPTNT). b. Số lượng: 01 bộ	a) Đối tượng thực hiện: Tổ chức, cá nhân b) Trình tự thực hiện: Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp. Bước 2: Tiếp nhận và kiểm tra tính hợp lệ hồ sơ - Nếu nộp hồ sơ đầy đủ thì viết Phiếu hẹn trả kết quả và giải quyết trong 24 giờ. - Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung. Bước 3: Căn cứ kết quả kiểm tra hồ sơ, Chi cục Phát triển nông nghiệp quyết định địa điểm và bố trí công chức kiểm tra ngay lô vật thể. Bước 4: Trả kết quả Chi cục Phát triển nông nghiệp cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu, quá cảnh và vận chuyển nội địa trong vòng 24 giờ kể từ khi bắt đầu kiểm dịch đối với lô vật thể không bị nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật hoặc đối tượng phải kiểm soát của Việt Nam hoặc sinh vật gây hại lạ. Trường hợp kéo dài hơn 24 giờ do yêu cầu về chuyên môn kỹ thuật hoặc trường hợp không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu, quá cảnh và vận chuyển nội địa thì Chi cục phải thông báo hoặc trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do cho chủ vật thể biết. c) Thời hạn giải quyết: - Chi cục Phát triển nông nghiệp: 24 giờ làm việc.	Không	- Điều 43 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013; - Điều 7, Điều 8 Thông tư số 35/2015/TT-BNNPTNT ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về kiểm dịch thực vật nội địa.
II TTHC cấp huyện					
1	Thẩm định phương án sử dụng tầng đất mặt đối với công trình có diện tích đất	1. Thành phần hồ sơ: - Đơn đề nghị thẩm định phương án sử dụng tầng đất mặt theo mẫu tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP;	a) Đối tượng thực hiện: Tổ chức, cá nhân (Người được nhà nước giao đất, thuê đất). b) Trình tự thực hiện: Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu xây dựng công trình trên đất được chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa sang đất phi nông nghiệp gửi hồ sơ trực tiếp hoặc	Không quy định	Điều 11 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Đối tượng thực hiện; Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết; Kết quả giải quyết; Yêu cầu, điều kiện thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	chuyên trồng lúa trên địa bàn huyện. Mã TTHC: 1.012849	- Phương án sử dụng tầng đất mặt theo mẫu tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP; - Sơ đồ mô tả vị trí sử dụng khối lượng đất mặt sau khi bóc tách. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.	gửi qua bưu chính đến tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND các huyện, thành phố. - Trực tuyến tại trang web Dịch vụ công tỉnh Đắk Nông (theo đường link https://dichvucong.daknong.gov.vn) * Tiếp nhận, trả lời hồ sơ: - Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND các huyện/thành phố xem xét, kiểm tra thành phần hồ sơ và trả lời ngay khi tổ chức đến nộp hồ sơ. - Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua dịch vụ công trực tuyến (nếu có): + Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết Phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo mẫu). + Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định (theo mẫu). + Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn người nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định (theo mẫu). - Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND các huyện/thành phố chuyển hồ sơ về đơn vị chuyên môn được giao nhiệm vụ để giải quyết. Bước 2: Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đơn vị chuyên môn được giao nhiệm vụ có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung chủ yếu trong hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ hợp lệ, thực hiện Bước 3. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, đơn vị chuyên môn được giao nhiệm vụ thông báo hoặc hướng dẫn bằng văn bản gửi bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND các huyện/thành phố; Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc (<i>không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính</i>) Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND các huyện/thành phố thông báo cho tổ chức, cá nhân điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.		

TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Đối tượng thực hiện; Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết; Kết quả giải quyết; Yêu cầu, điều kiện thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			Bước 3: Xử lý hồ sơ: + Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, đơn vị chuyên môn được giao nhiệm vụ tổ chức thẩm định phương án sử dụng tầng đất mặt. + Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày có kết quả thẩm định, đơn vị chuyên môn tham mưu trình UBND các huyện/thành phố dự thảo văn bản chấp thuận phương án sử dụng tầng đất mặt theo mẫu tại Phụ lục IX hoặc văn bản không chấp thuận theo mẫu tại Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP. Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả theo giấy hẹn tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND các huyện, thành phố. c) Thời hạn giải quyết: 23 ngày làm việc. Trong đó: - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện: 0,5 ngày làm việc; - Đơn vị chuyên môn được giao nhiệm vụ: 17,5 ngày làm việc. - UBND cấp huyện: 5 ngày làm việc .d) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)		
2	Nộp tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa đối với công trình có diện tích đất chuyên	a) Thành phần hồ sơ: Bản kê khai diện tích đất chuyên trồng lúa chuyển mục đích sử dụng sang đất phi nông nghiệp theo mẫu tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.	a) Đối tượng thực hiện: Tổ chức, cá nhân (<i>Người được nhà nước giao đất, thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất</i>). b) Trình tự thực hiện: Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu xây dựng công trình trên đất được chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa sang đất phi nông nghiệp gửi hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua bưu chính đến tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND các huyện, thành phố. - Trục tuyến tại trang web Dịch vụ công tỉnh Đắk Nông (theo đường link https://dichvucong.daknong.gov.vn) * Tiếp nhận, trả lời hồ sơ:	Không quy định	Điều 13 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Đối tượng thực hiện; Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết; Kết quả giải quyết; Yêu cầu, điều kiện thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	trồng lúa trên địa bàn huyện. Mã TTHC: 1.012850		- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND các huyện/thành phố xem xét, kiểm tra thành phần hồ sơ và trả lời ngay khi tổ chức đến nộp hồ sơ. - Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua dịch vụ công trực tuyến (nếu có): + Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết Phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo mẫu). + Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định (theo mẫu). + Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn người nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định (theo mẫu). - Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND các huyện/thành phố chuyển hồ sơ về Phòng Nông nghiệp và Môi trường. Bước 2: Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ Phòng Nông nghiệp và Môi trường các huyện/Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Gia Nghĩa vụ có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung chủ yếu trong hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ hợp lệ, thực hiện Bước 3. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, đơn vị chuyên môn được giao nhiệm vụ thông báo hoặc hướng dẫn bằng văn bản gửi bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND các huyện/thành phố; Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc (<i>không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính</i>) Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND các huyện/thành phố thông báo cho tổ chức, cá nhân điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Bước 3: Xử lý hồ sơ: - Thẩm định hồ sơ và xác nhận diện tích đất chuyên trồng lúa: Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được Bản kê khai hợp lệ, cơ quan tài nguyên và môi trường cấp huyện thẩm định và ban hành văn bản xác nhận		

TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Đối tượng thực hiện; Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết; Kết quả giải quyết; Yêu cầu, điều kiện thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			diện tích đất chuyên trồng lúa phải nộp tiền theo mẫu tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP gửi đến cơ quan tài chính cùng cấp để xác định số tiền phải nộp. - Cơ quan tài chính xác định số tiền phải nộp: Trong thời hạn 05 ngày, cơ quan tài chính cấp huyện căn cứ văn bản xác nhận diện tích đất chuyên trồng lúa của cơ quan tài nguyên và môi trường cùng cấp, bảng giá loại đất trồng lúa tại thời điểm chuyển mục đích sử dụng đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định, cơ quan tài chính cấp huyện xác định số tiền phải nộp theo mẫu tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP gửi cơ quan tài nguyên và môi trường và người được nhà nước giao đất, cho thuê đất. - Người được giao đất, cho thuê đất thực hiện nộp tiền: Trong thời hạn 30 ngày, người được nhà nước giao đất, cho thuê đất thực hiện trách nhiệm nộp tiền tại cơ quan kho bạc theo thông báo của cơ quan tài chính. + Sau 30 ngày kể từ ngày có văn bản thông báo của cơ quan tài chính; người được nhà nước giao đất, cho thuê đất chưa nộp hoặc nộp chưa đủ số tiền để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa thì phải nộp thêm tiền chậm nộp. Mức tính tiền chậm nộp và thời gian tính tiền chậm nộp được quy định như sau: + Mức tính tiền chậm nộp bằng 0,03%/ngày tính trên số tiền phải nộp để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa chậm nộp; + Thời gian tính tiền chậm nộp được tính liên tục kể từ ngày tiếp theo ngày phát sinh tiền chậm nộp đến ngày liền kề trước ngày số tiền đã nộp vào ngân sách nhà nước; + Người nộp tiền tự xác định số tiền chậm nộp theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 4 Điều 13 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP và nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định. Người nộp tiền phải nộp tiền chậm nộp được miễn tiền chậm nộp trong trường hợp bất khả kháng như bị thiệt hại vật chất do gặp thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ.		

TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Đối tượng thực hiện; Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết; Kết quả giải quyết; Yêu cầu, điều kiện thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả theo giấy hẹn tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND các huyện, thành phố. c) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc. Trong đó: - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND huyện/thành phố Gia Nghĩa: 0,5 ngày làm việc; - Phòng Nông nghiệp và Môi trường các huyện/Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Gia Nghĩa: 9,5 ngày làm việc (<i>trong đó có 2,5 ngày kiểm tra hồ sơ</i>).. - Cơ quan tài chính cấp huyện: 5 ngày làm việc. d) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không		
III	TTHC cấp xã				
1	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa Mã TTHC: 1.008004	1. Thành phần hồ sơ: Bản Đăng ký chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ	a) Đối tượng thực hiện: Tổ chức, cá nhân (<i>Người sử dụng đất trồng lúa</i>). b) Trình tự thực hiện: Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu chuyển đổi sang trồng cây lâu năm, trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản gửi hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua bưu chính hoặc qua môi trường điện tử đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp xã. * Tiếp nhận, trả lời hồ sơ: - Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã xem xét, kiểm tra thành phần hồ sơ và trả lời ngay khi tổ chức, cá nhân đến nộp hồ sơ. - Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua dịch vụ công trực tuyến (nếu có): + Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết Phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo mẫu). + Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định (theo mẫu).	Không quy định	Điều 8 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.



TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Đối tượng thực hiện; Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết; Kết quả giải quyết; Yêu cầu, điều kiện thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			+ Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn người nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định (theo mẫu). - Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã chuyển hồ sơ về phòng chuyên môn được giao nhiệm vụ để giải quyết. Bước 2: Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, phòng chuyên môn được giao nhiệm vụ có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung chủ yếu trong hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ hợp lệ, thực hiện Bước 3. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, phòng chuyên môn được giao nhiệm vụ thông báo hoặc hướng dẫn bằng văn bản gửi Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã; Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc (<i>không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính</i>) Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã thông báo cho tổ chức, cá nhân điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Bước 3: Xử lý hồ sơ: Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, UBND cấp xã xem xét sự phù hợp của Bản Đăng ký với Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa hằng năm của cấp xã: + Trường hợp Bản đăng ký chuyển đổi hợp lệ và phù hợp với kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa hằng năm của UBND cấp xã, UBND cấp xã ban hành văn bản chấp thuận cho phép chuyển đổi theo mẫu tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP gửi cho người sử dụng đất trồng lúa đăng ký. + Trường hợp Bản đăng ký không phù hợp với Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa hằng năm của cấp xã, UBND cấp xã thông báo bằng văn bản theo mẫu Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP gửi cho người sử dụng đất trồng lúa.		

TT	Mã/Tên TTHC	Thành phần, số lượng hồ sơ	Đối tượng thực hiện; Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết; Kết quả giải quyết; Yêu cầu, điều kiện thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả theo giấy hẹn tại bộ phận tiếp nhận và TKQ UBND cấp xã. c) Thời hạn giải quyết: 08 ngày làm việc. Trong đó: - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND xã: 0,5 ngày làm việc; - UBND cấp xã: 7,5 ngày làm việc. d) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định		